ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
ĐẢNG ỦY THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM
*

Số 06 - CV/ĐU
V/v gửi Đề cương tuyên truyền

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: - Các đảng ủy cơ sở
- Các chi bộ trực thuộc

Thực hiện Công văn số 850-CV/BTGĐUK ngày 15/9/2020 của Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy TTXVN sao gửi các đảng ủy cơ sở và chi ủy trực thuộc *các nội dung như sau:*

1. Tuyên truyền kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Biên giới Thu Đông 1950 (16/9/1950 – 16/9/2020).

2. Tuyên truyền Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai (30/9/1910- 30/9/2020).

3. Tuyên truyền kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Đề nghị các đảng ủy cơ sở và chi bộ trực thuộc triển khai phổ biến tại chi bộ và phổ biến tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động.

Nơi nhận :
- Như trên,
- Lưu VPĐU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Hà Thị Mai An

ĐỀ CƯƠNG
TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM 110 NĂM NGÀY SINH
ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THỊ MINH KHAI (30/9/1910 – 30/9/2020)

I. KHÁI LƯỢC THÂN THẾ, CUỘC ĐỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai (tên thật là Nguyễn Thị Vịnh), sinh ngày 30/9/1910, tại xã Vịnh Yên, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Năm 1919, Nguyễn Thị Vịnh theo học chữ quốc ngữ tại trường Nguyễn Trường Tộ, sau đó chuyển sang trường Tiểu học Cao Xuân Dục. Tại đây, Nguyễn Thị Vịnh được thầy giáo Trần Phú và các thầy cô giáo trong trường dìu dắt nên sớm giác ngộ cách mạng và bắt đầu tham gia các phong trào yêu nước.

Năm 1926, Nguyễn Thị Vịnh tích cực tham gia phong trào đấu tranh tại Vinh, vận động nữ sinh tham gia bãi khóa, tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh. Năm 1927 (khi mới 17 tuổi), Nguyễn Thị Vịnh gia nhập Việt Nam Cách mạng đảng, lấy tên là Nguyễn Thị Minh Khai.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai trở thành đảng viên lớp đầu tiên của Đảng và được phân công phụ trách công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ, huấn luyện đảng viên ở khu vực Trường Thi, Bến Thủy và tổ chức Hội Phụ nữ Giải phóng. Tháng 3 năm 1930, Đồng chí được cử sang Hương Cảng (Trung Quốc), công tác ở Văn phòng chi nhánh Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, nhận nhiệm vụ liên lạc với các tổ chức cách mạng Việt Nam ở trong nước.

Từ năm 1931 - 1933, Đồng chí bị bọn mật thám Anh ở Hương Cảng bắt giam rồi chuyển giao cho chính quyền Quảng Châu cầm tù. Ra tù, Đồng chí tìm bắt liên lạc với tổ chức Đảng và đến Thượng Hải công tác trong Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Từ ngày 25/7 đến ngày 21/8/1935, Đồng chí là đại biểu chính thức tham dự và phát biểu tham luận tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva. Trong thời gian từ năm 1935 đến năm 1936, Đồng chí tham gia khóa học ngắn hạn tại Trường Đại học Phương Đông; đầu năm 1937, Đồng chí được phân công về công tác tại Sài Gòn và được cử vào Xứ ủy Nam Kỳ, là Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn.

Ngày 30/7/1940, sau khi dự phiên họp Xứ ủy Nam Kỳ bàn về chủ trương khởi nghĩa, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị thực dân Pháp bắt giam tại Khám Lớn - Sài Gòn, bị tra tấn hết sức dã man. Sáng ngày 28/8/1941, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai cùng với một số đồng chí khác bị giặc đem ra xử bắn ở Hóc Môn.

II. NHỮNG CỐNG HIẾN TO LỚN CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THỊ MINH KHAI VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG VÀ ĐẤT NƯỚC

1. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai - một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, có nhiều đóng góp trong thời kỳ vận động thành lập Đảng

Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước, ngày 11/11/1924, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu, Trung Quốc, bắt đầu mở các lớp tập huấn, đào tạo cán bộ, chuẩn bị cho sự ra đời của đảng tiên phong lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Sau khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời, một số chí sĩ nho học Trung Kỳ đã thành lập Hội phục Việt, tập hợp, đoàn kết các lực lượng yêu nước, tiến bộ làm cách mạng, đánh Pháp, đuổi giặc và bè lũ vua quan bán nước. Công tác vận động học sinh tham gia hoạt động cách mạng tại các trường ở Vinh như: Trường tiểu học Cao Xuân Dục, Nguyễn Trường Tộ... được chú trọng, có tác dụng tuyên truyền lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc. Thời gian này, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đang học tập tại trường Tiểu học Cao Xuân Dục, được sự giúp đỡ, dìu dắt, giác ngộ tinh thần yêu nước của thầy cô giáo là hội viên Hội phục Việt, Đồng chí đã tham gia vào các hoạt động của Hội Tu thân - tổ chức thanh niên, học sinh do thầy Trần Phú tổ chức. Do tham gia tích cực các hoạt động cách mạng, năm 1927, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng đảng, được giao nhiệm vụ phụ trách công tác vận động phụ nữ, huấn luyện đảng viên mới ở khu vực Vinh - Bến Thủy và hai huyện Nghi Lộc, Thanh Chương. Nhờ hoạt động tuyên truyền vừa mềm dẻo, vừa sâu sát trong giới phụ nữ, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã vận động, kết nạp được thêm nhiều phụ nữ vào Việt Nam cách mạng đảng và sau nay họ trở thành những cán bộ nòng cốt, giữ các vị trí quan trọng của phong trào cách mạng. Số lượng chị em tham gia phong trào cách mạng ngày một gia tăng, phong trào đấu tranh của nữ công nhân Vinh - Bến Thủy ngày càng sôi nổi hơn.

Cuối năm 1927, đầu năm 1928, ở khu vực Vinh - Bến Thủy phong trào đấu tranh của công nhân bùng lên mạnh mẽ, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và các

đồng chí trong Hội đã tổ chức các buổi nói chuyện, tuyên truyền cách mạng, dạy học ban đêm... cho công nhân và bồi dưỡng những thành phần cốt cán để kết nạp vào Hội. Đồng chí tích cực xuống các làng xã xung quanh thành phố Vinh (Hưng Nguyên, Nghi Lộc, Diễn Châu) tìm hiểu đời sống, tâm tư nguyện vọng của bà con nông dân, vận động thành lập Nông hội. Hoạt động tích cực của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và các đồng chí trong tổ chức Việt Nam Cách mạng đảng đã góp phần lớn cho phong trào cách mạng ở Vinh mạnh lên. Đây là những bước chuẩn bị rất quan trọng trong giai đoạn xây dựng hệ thống cơ sở đảng và các tổ chức quần chúng của Đông Dương Cộng sản Đảng; góp phần vào việc hợp nhất các tổ chức đảng, thành lập chính đảng duy nhất nhằm tập hợp lực lượng đấu tranh, đồng thời tổ chức được nhiều lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cho Đảng - lực lượng nòng cốt của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Từ ngày 6/1 đến ngày 7/2/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã họp ở bán đảo Cửu Long (Hồng Kông) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, thống nhất lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua các văn kiện: chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, điều lệ vắn tắt. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai chính thức trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, là một trong những đảng viên lớp đầu tiên của Đảng ta, đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, lập trường giai cấp vô sản đấu tranh chống đế quốc xâm lược, đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

2. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai - Người chiến sỹ cách mạng kiên trung, bất khuất

Khi phụ trách công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ, huấn luyện đảng viên ở khu vực Trường Thi, Bến Thủy và tổ chức Hội Phụ nữ Giải phóng, trong điều kiện thực dân Pháp và bọn mật thám tăng cường các hoạt động truy lùng, vây bắt nhằm đàn áp phong trào cách mạng, nhưng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai không hề run sợ. Với bản lĩnh chính trị vững vàng và tài trí thông minh, giỏi ứng biến, Đồng chí luôn đi đầu trong công tác vận động quần chúng đấu tranh và huấn luyện, đào tạo cán bộ cho Đảng.

Khi đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị mật thám Anh ở Hương Cảng bắt, nhưng với tinh thần của chiến sỹ cộng sản, Đồng chí đã khẳng định ý chí kiên cường, đanh thép, nguyện hy sinh bản thân mình vì lý tưởng cộng sản, vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Mặc dù kẻ thù dùng mọi thủ đoạn, từ dụ dỗ, mua

chuộc đến tra tấn, đánh đập, nhưng Đồng chí vẫn không một lời khai báo để bảo vệ phong trào cách mạng và tổ chức cơ sở Đảng.

Cách mạng Việt Nam trong những năm 1931 - 1933 ở thời kỳ thoái trào, cơ quan của Đảng từ Trung ương đến cơ sở ở trong nước gần như không hoạt động được do kẻ thù khủng bố gắt gao. Cùng với các đồng chí Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Dựt, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai vẫn kiên trì hoạt động, giữ vững tinh thần để nhen nhóm lại ngọn lửa cách mạng, vượt qua khó khăn gian khổ, hy sinh để hoàn thành trọng trách mà cách mạng Việt Nam và Quốc tế Cộng sản giao phó là khôi phục phong trào cách mạng Việt Nam, lập lại các cơ quan lãnh đạo của Đảng trong những năm cách mạng gặp vô vàn khó khăn.

Giữa năm 1937, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai về Sài Gòn hoạt động, làm việc tại cơ quan Xứ ủy Nam Kỳ, được chỉ định làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Nhận nhiệm vụ mới, hoạt động trong điều kiện vô cùng khó khăn do sự truy lùng, vây bắt của kẻ thù, nhưng Đồng chí vẫn luôn bám sát cơ sở, lãnh đạo phong trào phát triển mạnh mẽ. Với tinh thần và thái độ làm việc nghiêm túc, hiệu quả và mang tính nhân văn sâu sắc, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai nhận được sự tin yêu của nhiều đồng chí hoạt động cách mạng cùng thời. Đồng chí là một Xứ ủy viên với tầm hiểu biết rộng, đúc kết và chỉ đạo vấn đề từ thực tiễn rất nhanh và nói thông thạo tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Quảng Đông. Trong cuộc đấu tranh thành lập Mặt trận dân chủ chống chiến tranh và chống Phát xít ở Sài Gòn những năm 1938 - 1939, Đồng chí đã sát cánh cùng đồng chí Lê Hồng Phong chuẩn bị các báo cáo ở hội nghị cũng như trong cuộc bút chiến trên Báo Dân chúng... Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai là diễn giả xuất sắc của nhiều buổi mít tinh lớn ở các rạp hát trong thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, đấu tranh với các luận điệu của bọn Tờ-rốt-xkít, bảo vệ quan điểm của Đảng.

Ngày 30/7/1940, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị mật thám Pháp bắt và giam ở bốt Catina, sau đó là Trại giám Phú Mỹ (Sài Gòn). Biết đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai là nhân vật quan trọng nên kẻ thù đã giam Đồng chí vào trong phòng tối có treo chiếc sọ người ở giữa, dùng đủ cực hình để tra tấn dã man như "lộn mề gà", "máy bay lên sàn", "máy bay xuống sân", đóng đinh vào đầu ngón tay..., nhưng Đồng chí vẫn cương quyết không khai ra tổ chức và các đồng chí cùng hoạt động, một mực khẳng định: "việc này tao lãnh đạo, tao chủ trương, tao

làm". Chúng tiếp tục giở những đòn tra tấn hiểm độc nhưng vẫn không thể lay chuyển được ý chí cách mạng kiên cường, sắt thép của nữ chiến sĩ cộng sản.

Biến nhà tù thành trường học cách mạng, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai tranh thủ mọi điều kiện để học tập nâng cao trình độ từ các đồng chí bạn tù, đồng thời ra sức tuyên truyền cách mạng đối với những người lầm đường lạc lối trở về với gia đình, dân tộc và tìm theo cách mạng.

Để giành được độc lập, tự do cho dân tộc, vợ chồng người chiến sỹ cộng sản kiên trung Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Hồng Phong đã gác tình riêng vì nghĩa lớn, nguyện hy sinh bản thân cho lý tưởng cộng sản.

Bị giam hãm trong nhà tù, nhưng với cương vị Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai vẫn tìm mọi cách liên lạc với bên ngoài, để tiếp tục lãnh đạo cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ. Sau khi cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ bị khủng bố, tòa án thực dân buộc Đồng chí nhận tội danh lãnh đạo cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ và kết án tử hình. Trước tòa thực dân, Đồng chí dõng dạc, đanh thép khẳng định: "Nước của tôi, cứu nước là có tội, cướp nước là không có tội sao?".

Không khuất phục được người chiến sỹ cộng sản, sáng ngày 28/8/1941, thực dân Pháp đưa đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và một số đồng chí lãnh tụ kiên trung của Đảng như: Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến,... xử bắn tại ngã tư Giềng Nước (nay là trước sân Bệnh viện huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trước pháp trường, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai hướng về phía đồng bào, nói những lời tâm huyết: "Việc chúng tôi làm là chính nghĩa. Vì muốn Tổ quốc tôi được độc lập, dân tôi được ấm no mà chúng tôi làm cách mạng. Chúng tôi không có tội gì".

Phút cuối cùng của cuộc đời, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai vẫn đau đáu trong lòng nhiệm vụ với Đảng, với Tổ quốc, vẫn một lòng mong muốn cho dân tộc Việt Nam có độc lập, tự do. Tấm gương hy sinh anh dũng, kiên cường của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã tô thắm thêm truyền thống vẻ vang, viết lên bản anh hùng ca bất diệt của toàn thể dân tộc Việt Nam và trở thành tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời cho các thế hệ noi theo. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

3. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai với phong trào cách mạng của Quốc tế Cộng sản

Giữa năm 1930, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai được sự tín nhiệm và giới thiệu của Xứ ủy Trung Kỳ, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Phong Sắc chuyển ra hoạt động tại Bắc Kỳ và sau đó tiếp tục sang hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc. Đồng chí công tác tại Văn phòng Ban Đông Phương của Quốc tế Cộng sản. Đây là một mốc quan trọng trên con đường hoạt động cách mạng của Đồng chí, hướng Đồng chí sớm đến với Quốc tế Cộng sản - tổ chức quan trọng nhất thế giới lúc bấy giờ.

Tại môi trường hoạt động mới, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai được giao nhiệm vụ liên lạc với các tổ chức cách mạng Việt Nam trong nước. Với niềm tin mãnh liệt, trí thông minh và thực tiễn hoạt động trong nước, Đồng chí rất nhanh quen với công việc mới và có nhiều tiến bộ. Hàng ngày, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai vừa tích cực công tác, vừa tranh thủ học tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp để phục vụ công tác. Đồng chí tích cực trau dồi lý luận cách mạng và kinh nghiệm đấu tranh quốc tế, đặc biệt phong trào đấu tranh của phụ nữ trong công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng phụ nữ.

Giữa năm 1931, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị đặc vụ Quốc dân Đảng Trung Quốc ở Hồng Kông bắt giam. Nhờ vào sự vận động, can thiệp và đấu tranh của Quốc tế Cứu tế Đỏ, Đồng chí được trao trả tự do sau hơn hai năm bị tra tấn dã man của kẻ thù. Ra tù, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai tìm cách liên lạc với Đảng và hoạt động trong Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Đến giữa năm 1935, Đồng chí được cử tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII tại Mátxcơva (Liên Xô cũ).

Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII, phiên họp thứ 40, ngày 16/8/1935, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã phát biểu tham luận với nội dung chính sau: nêu lên vấn đề mâu thuẫn giai cấp và tương quan lực lượng ta - địch trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Dương; nêu ra những thành công và hạn chế trong công tác vận động và lãnh đạo binh lính thời gian qua; vấn đề đoàn kết quốc tế để bảo vệ phong trào cách mạng ở Đông Dương, bảo vệ Liên bang Xô Viết như một nhiệm vụ của những người cộng sản Đông Dương. Bài tham luận của nữ đồng chí trẻ (25 tuổi) đã gây sự chú ý của các đại biểu tham dự Đại hội và được đánh giá cao.

Tại Đại hội lần thứ VI Quốc tế Thanh niên Cộng sản (tháng 9 đến tháng 10/1935), đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã có bài tham luận về tình hình, hoạt động và những nhiệm vụ trước mắt của Đoàn Thanh niên Cộng sản Đông Dương. Đồng chí đã nêu khái quát về tình hình thanh niên Đông Dương, những khó khăn và hạn chế của họ và đề ra những nhiệm vụ trước mắt gồm: thanh niên phải thâm nhập vào các nhà máy, đồn điền, làng xã, trường học; phải thành lập các câu lạc bộ thanh niên; phải dẫn dắt, giáo dục thanh niên theo tinh thần đấu tranh cách mạng; phải thiết lập mối quan hệ giữa thanh niên Đông Dương với các tổ chức thanh niên quốc tế và đặc biệt phải chú ý đến quần chúng nữ thanh niên.

Thông qua những hoạt động tại các hội nghị quốc tế, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã nêu bật được tình cảnh ở thuộc địa, bản chất bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc; vai trò của phụ nữ và thanh niên trong cách mạng giải phóng dân tộc; khẳng định cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Đông Dương phải được khơi dậy bằng truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa của dân tộc, phải phát huy được mọi tầng lớp trong xã hội tham gia, lấy công - nông làm gốc, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

4. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai với sự nghiệp giải phóng phụ nữ

Trong quá trình học tập tại trường Tiểu học Cao Xuân Dục, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã tích cực tham gia các hoạt động yêu nước của Tổ nữ sinh yêu nước. Đồng chí đã tích cực tham gia phong trào vận động nữ sinh góp tiền mua hoa và vải trắng may băng tang đi dự lễ truy điệu nhà chí sỹ yêu nước Phan Châu Trinh, tham gia ký tên vào bản yêu sách đòi thực dân Pháp trả tự do cho Phan Bội Châu.

Khi được kết nạp vào Việt Nam Cách mạng đảng, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai là người phụ nữ đầu tiên gia nhập Hội và được phụ trách công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ, huấn luyện đảng viên mới. Nhờ đó, nhiều chị em khu vực thành phố Vinh được giác ngộ, được trực tiếp Đồng chí huấn luyện. Nhiều người sau này trở thành cán bộ nòng cốt cho phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Năm 1935, với tư cách là đại biểu nữ trong đoàn đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã thể hiện niềm tự hào to lớn khi được vinh dự đại diện cho hàng triệu phụ nữ Việt Nam dưới ách áp bức của thực dân, phong kiến nói lên tiếng nói tại một

diễn đàn quốc tế. Trong bài tham luận, Đồng chí thể hiện mong muốn đại biểu các đảng cộng sản của các nước hiểu được nỗi thống khổ cùng cực của phụ nữ lao động các dân tộc Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, đồng thời khẳng định sự tin tưởng vào tinh thần đấu tranh cách mạng của phụ nữ. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã lên tiếng ca ngợi tinh thần đấu tranh của phụ nữ Trung Quốc, những nữ công nhân và nông dân Đông Dương.

Tại một diễn đàn lớn, có sức ảnh hưởng mạnh mẽ là Đại hội của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai cũng mạnh dạn chỉ ra những thiếu sót của đảng cộng sản khi chưa thực sự quan tâm đúng mức đến phong trào đấu tranh của phụ nữ. Đây là lần đầu tiên người phụ nữ Việt Nam trẻ tuổi dõng dạc đọc tham luận trên diễn đàn Quốc tế Cộng sản, nói lên tình trạng của phụ nữ ở các nước thuộc địa; khẳng định vị trí, vai trò của phụ nữ trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh quốc tế và bảo vệ hòa bình; đồng thời, lên tiếng đề nghị các đảng cộng sản phải có trách nhiệm trong việc phát huy vai trò của phụ nữ.

Với vai trò là Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai luôn chú ý để phát triển phong trào đấu tranh của phụ nữ. Nhân sự kiện Ủy ban Phụ nữ ái hữu Sài Gòn - Chợ Lớn ra lời kêu gọi chị em phụ nữ đứng lên đoàn kết với nam giới sáng lập các hội tương tế ái hữu, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã viết cuốn sách giới thiệu về cuộc đấu tranh của phụ nữ quốc tế để tuyên truyền, giác ngộ nâng cao nhận thức cách mạng cho phụ nữ, nhờ đó phong trào đấu tranh của phụ nữ Sài Gòn - Chợ Lớn ngày càng có những bước phát triển sâu rộng.

Trong đấu tranh với những phần tử Tờ-rốt-xkít chống lại chủ trương của ta, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã cùng với các đồng chí khác như Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ tiến hành cuộc đấu tranh mạnh mẽ trên mặt trận lý luận, thường xuyên vạch mặt những phần tử Tờ-rốt-xkít trên báo Dân chúng và Lao động nhằm góp phần to lớn tăng cường sự thống nhất trong Đảng, trong đó có những bài bút chiến sâu sắc nhằm bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng về phong trào của phụ nữ.

Dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử và với ngòi bút sắc sảo, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã thẳng thắn nói lên tiếng nói của giới thanh niên và phụ nữ Sài Gòn lục tỉnh trong cuộc đấu tranh chống phát'xít và chống Tờ-rốt-xkít; phê phán những lý thuyết phản động của nữ sĩ Tuyết Dung đi ngược lại với chủ trương của Đảng, ngược lại với nguyện vọng của phụ nữ Việt Nam. Qua các bài

báo, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã khẳng định sự gắn bó giữa phong trào đấu tranh của phụ nữ với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc nhằm thay đổi chế độ xã hội hiện thời; phụ nữ cần phải nỗ lực cố gắng, tự mình vượt qua những khó khăn, những rào cản của xã hội, tham gia gánh vác công việc của quốc gia.

*

* *

Sinh ra và lớn lên ở một vùng quê nghèo khó, khắc nghiệt nhưng tình yêu quê hương, đất nước của con người Xứ Nghệ đã hình thành tính cách và tâm hồn đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai.

Cả cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai là con đường đầy chông gai, gian khổ nhưng cũng hết sức vẻ vang. Đồng chí luôn phấn đấu không biết mệt mỏi cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ, một lòng phục vụ Đảng, phục vụ Nhân dân, vẹn nguyên tình cảm vợ chồng, tình mẫu tử thiêng liêng, giữ vững niềm tin cách mạng và khí tiết, phẩm chất đạo đức người chiến sỹ cộng sản.

Tuy cuộc đời và sự nghiệp ngắn ngủi nhưng đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đã kịp hoàn thành nhiều công việc quan trọng của Đảng và nhân dân giao phó, để lại một tấm gương sáng về lòng yêu nước, kiên trung, bất khuất vì độc lập cho Tổ quốc, vì tự do cho nhân dân. Tên tuổi và sự nghiệp cách mạng cao quý của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai được khắc ghi cho muôn đời sau.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950
(16/9/1950 - 16/9/2020)

I. BỐI CẢNH, DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI

1. Bối cảnh lịch sử

Đến năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực, trong nước có nhiều biến đổi lớn:

- Trên thế giới, các nước xã hội chủ nghĩa, dân chủ nhân dân ngày càng được củng cố, phát triển và lớn mạnh về mọi mặt. Trong đó, Liên Xô giành được nhiều thắng lợi quan trọng trong xây dựng, phát triển đất nước, có ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ La-tinh. Ngày 30/1/1950, Việt Nam và Liên Xô chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao.

- Trong khu vực, sau ngày thành lập (1/10/1949), Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tuyên bố là một nước dân chủ mới, thực hiện chuyên chính dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời tuyên bố đoàn kết với tất cả các nước và dân tộc yêu chuộng hòa bình, tự do trên thế giới, cùng các dân tộc đấu tranh chống chiến tranh xâm lược của đế quốc để giữ gìn nền hòa bình lâu dài. Ngày 18/1/1950, Việt Nam và Trung Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao.

- Tình hình trong nước:

+ Sau chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947, quân và dân ta tiếp tục giành nhiều thắng lợi quan trọng: Lực lượng kháng chiến phát triển về mọi mặt; chiến tranh du kích được đẩy mạnh ở vùng sau lưng địch; lực lượng vũ trang ba thứ quân hình thành tương đối hoàn chỉnh, đặc biệt là bộ đội chủ lực phát triển nhanh (đến trước Chiến dịch Biên Giới, ta đã xây dựng được 2 đại đoàn và nhiều trung đoàn chủ lực), phương thức tác chiến phát triển từ đánh du kích lên đánh tập trung, với nhiều chiến dịch quy mô nhỏ trên chiến trường.

+ Thực dân Pháp thực hiện kế hoạch mới, được Mỹ giúp sức ráo riết thực hiện Kế hoạch Rơ-ve[1], tập trung lực lượng mở rộng chiếm đóng vùng

[1] Kế hoạch Rơ-ve là kế hoạch chiến lược của Pháp trong chiến tranh xâm lược Đông Dương, do tướng Rơve, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Pháp vạch ra tháng 6/1949. Nội dung chính: *về chính trị*, củng cố chính quyền tay sai, lợi dụng tôn giáo, chia rẽ dân tộc, lập các xứ tự trị, thi hành chính sách "dùng người Việt đánh người Việt", đặt chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương trong kế hoạch chống cộng chung của phương Tây, tích cực tranh thủ viện trợ Mỹ; *về quân sự*, tăng quân cho chiến trường chính Bắc Bộ, mở rộng phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng và trung du, tăng cường phòng thủ khu tứ giác Lạng Sơn - Tiên Yên - Hải Phòng- Hà Nội, rút ngắn phòng tuyến biên giới Việt - Trung, tập trung vào tuyến Thất Khê - Móng Cái, phát triển quân

trung du và đồng bằng Bắc Bộ; ra sức phong tỏa biên giới nhằm ngăn chặn sự chi viện của cách mạng Trung Quốc cho cách mạng Việt Nam; bao vây, cô lập căn cứ địa Việt Bắc.

Trước tình hình đó, để đẩy mạnh kháng chiến tiến lên một bước mới. Tháng 6/1950, Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch lớn đánh địch trên tuyến biên giới Việt - Trung với mục đích: tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; giải phóng một phần biên giới, mở đường giao thông với các nước xã hội chủ nghĩa; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Cân nhắc giữa hai hướng Tây Bắc và Đông Bắc, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định tiến công địch, giải phóng biên giới ở hướng Cao Bằng - Lạng Sơn.

2. Đặc điểm tình hình và sự chuẩn bị của ta

**** Đặc điểm tình hình:***

- Hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn phía bắc tiếp giáp với Trung Quốc, rừng núi chiếm trên 90% diện tích. Đường số 4 là trục giao thông chính chạy dọc biên giới nối liền các thị trấn, thị xã: Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, Na Sầm, Lạng Sơn. Ven hai bên đường số 4 núi rừng trùng điệp, núi đất xen núi đá tai mèo, rừng cây thấp xen lẫn đồi tranh, địa hình hiểm trở. Từ đường số 4 ra phía biên giới có ba con đường thông sang Trung Quốc; bên trong đi vào nội địa là đường số 3 nối Cao Bằng với Bắc Cạn, đường Bình Gia - Bắc Sơn nối Thất Khê với Thái Nguyên.

- Tình hình địch:

+ Quân Pháp tổ chức tuyến phòng thủ Liên khu biên giới Đông Bắc gồm 2 phân khu (Cao Bằng và Thất Khê) và hai khu (Lạng Sơn và An Châu).

+ Đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng được địch xây dựng thành tuyến phòng thủ mạnh với hệ thống cứ điểm có công sự kiên cố; trong từng vị trí lực lượng chiếm đóng từ 2 đại đội trở lên, có hỏa lực tăng cường.

+ Toàn bộ lực lượng cơ động và chiếm đóng của địch ở Liên khu biên giới Đông Bắc có 11 tiểu đoàn và 9 đại đội bộ binh, trong đó lực lượng cơ động gồm 4 tiểu đoàn Âu - Phi, lực lượng chiếm đóng gồm 7 tiểu đoàn và 9 đại đội; ngoài ra còn có lực lượng binh chủng gồm pháo binh với 27 khẩu pháo các loại, 4 đại đội cơ giới, 4 đại đội công binh và lực lượng không quân gồm 6 máy bay chiến đấu và 2 máy bay trinh sát, liên lạc.

đội bản xứ làm nhiệm vụ chiếm đóng, tập trung quân Âu - Phi xây dựng lực lượng cơ động, tăng cường càn quét, đánh phá phong trào chiến tranh du kích, chuẩn bị điều kiện mở những cuộc tiến công lớn nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực Việt Nam. Kế hoạch Ro-ve được Mỹ ủng hộ, đánh dấu sự can thiệp công khai của Mỹ vào chiến tranh Đông Dương.

** Quá trình chuẩn bị cho chiến dịch Thu Đông:*

- Thực hiện nhiệm vụ Trung ương giao, ngày 7/7/1950, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở chiến dịch giải phóng vùng biên giới Đông Bắc tại khu vực Cao Bằng - Lạng Sơn, lấy mật danh là Chiến dịch Lê Hồng Phong II, tiến công phòng tuyến của địch trên đường số 4, tập trung vào khu vực Cao Bằng - Thất Khê. Chiến dịch do Bộ Tổng Tư lệnh trực tiếp tổ chức, chỉ huy; đồng chí Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp được chỉ định làm Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch; Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái làm Tham mưu trưởng chiến dịch; đồng chí Lê Liêm làm Chủ nhiệm Chính trị; đồng chí Trần Đăng Ninh làm Chủ nhiệm Cung cấp.

- Với quyết tâm giành thắng lợi cho chiến dịch lớn có ý nghĩa chiến lược quan trọng này, Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp nghiên cứu tình hình, phê chuẩn kế hoạch tác chiến, chỉ đạo các ngành ở Trung ương và địa phương đem hết sức mình phục vụ tiền tuyến và thực hiện sự phối hợp chiến trường trên toàn quốc để bảo đảm cho chiến dịch toàn thắng.

+ Liên khu Việt Bắc là địa phương chính động viên sức người, sức của phục vụ chiến dịch. Với khẩu hiệu "Tất cả cho chiến dịch toàn thắng", Đảng bộ, chính quyền Liên khu đã huy động hơn 120 nghìn dân công thuộc các dân tộc ở Việt Bắc tham gia phục vụ tiền tuyến với hơn 1,7 triệu ngày công. Nhờ nỗ lực chung của cán bộ, bộ đội và nhân dân, đến trung tuần tháng 9/1950, công tác chuẩn bị hậu cần đã cơ bản được hoàn thành; khoảng 4.000 tấn lương thực, súng đạn được vận chuyển từ xa đến, bảo đảm cho gần ba vạn quân tham gia chiến dịch.

+ Để bảo đảm chắc thắng, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định sử dụng nhiều đơn vị mạnh tham gia chiến dịch, gồm: Đại đoàn 308[2] và 2 trung đoàn chủ lực của Bộ (Trung đoàn 174, Trung đoàn 209), 3 tiểu đoàn độc lập (Tiểu đoàn 426 và Tiểu đoàn 428 của Liên khu Việt Bắc, Tiểu đoàn 888 của tỉnh Lạng Sơn). Về lực lượng binh chủng, số lượng lớn pháo binh và công binh của Bộ Tổng Tư lệnh được tập trung cho chiến dịch, gồm: 4 đại đội sơn pháo (có 20 khẩu 70mm và 75mm), 5 đại đội công binh. Ngoài ra còn có các đại đội bộ đội địa phương và dân quân du kích hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Với tổng số lực lượng tương đương hai đại đoàn, Chiến dịch Biên Giới đã vượt tất cả các chiến dịch trước đây về quy mô sử dụng lực lượng.

- Hạ tuần tháng 8/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên đường ra mặt trận cùng Bộ Chỉ huy chiến dịch trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Trên đường ra mặt trận, Người ân cần thăm hỏi, nắm thêm tình hình, động viên bộ đội, dân công.

---

[2] Đại đoàn 308 có 3 trung đoàn (36, 88, 102) và Tiểu đoàn 11.

Có Bác Hồ đi chiến dịch, mọi người như được tăng thêm sức mạnh, ai nấy đều hăng hái, tin tưởng, quyết tâm.

- Theo kế hoạch tác chiến ban đầu, ta định tập trung lực lượng tiêu diệt địch ở Cao Bằng, đồng thời đánh địch lên ứng cứu, chi viện. Nhưng sau đó cân nhắc lại, Bộ Chỉ huy chiến dịch chủ trương đánh Đông Khê trước, mở màn cho chiến dịch, vừa bảo đảm chắc thắng, vừa tạo điều kiện cho chiến dịch phát triển thuận lợi. Chủ trương này được Chủ tịch Hồ Chí Minh phê chuẩn. Người chỉ rõ: Đông Khê là nơi địch sơ hở, nhưng lại là vị trí rất quan trọng, nếu mất Đông Khê, địch phải đem quân đến ứng cứu, tạo điều kiện cho ta tiêu diệt chúng trong vận động.

- Đêm 15 rạng sáng ngày 16/9/1950, toàn bộ thế trận chiến dịch cơ bản đã bố trí xong: 2 trung đoàn chuẩn bị đánh Đông Khê (Trung đoàn 174 và 209); 3 trung đoàn thuộc Đại đoàn 308 bố trí ở giữa Đông Khê và Thất Khê, sẵn sàng đánh quân ứng viện bằng cả đường bộ và đường không.

3. Diễn biến và kết quả chiến dịch

a) Diễn biến chiến dịch (diễn ra từ ngày 16/9 đến 14/10/1950):

Sáng sớm ngày 16/9/1950, ta bắt đầu nổ súng đánh cụm cứ điểm Đông Khê, mở màn chiến dịch. Mặc dù địch chống cự hết sức quyết liệt và tình huống chiến đấu diễn ra rất gay go, phức tạp, song bộ đội ta vẫn dũng cảm chiến đấu, tổ chức nhiều đợt xung phong, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ. Sau 54 giờ chiến đấu, sáng ngày 18/9, bộ đội ta chiếm toàn bộ cụm cứ điểm Đông Khê, diệt và bắt trên 300 tên địch, thu toàn bộ vũ khí, bắn rơi 1 máy nay.

Chiến thắng oanh liệt của trận mở màn ở Đông Khê đã cổ vũ khí thế giết giặc lập công trên khắp các mặt trận và đặc biệt quan trọng là tạo thế rất thuận lợi cho sự phát triển tiếp theo của toàn bộ chiến dịch. Nhiều gương chiến đấu dũng cảm xuất hiện, như: chiến sĩ bộc phá La Văn Cầu nhờ đồng đội chặt đứt cánh tay bị thương rồi tiếp tục xông lên phá lô cốt địch; Đại đội trưởng Trần Cừ lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đơn vị xông lên.

Mất Đông Khê, quân địch rơi vào tình thế hết sức nguy khốn, Thất Khê bị uy hiếp, thị xã Cao Bằng trở nên hoàn toàn cô lập, thế phòng thủ đường số 4 bị đánh trúng huyệt trở nên lung lay. Sau khi ta diệt xong Đông Khê, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận định địch có thể lấy lại Đông Khê để khôi phục lại tuyến phòng thủ như cũ hoặc tạo bàn đạp để tiến lên đón quân ở Cao Bằng rút về. Do đó, ý định tác chiến của ta là "nhử thú dữ vào tròng" để "khép vòng lưới thép" tiêu diệt chúng.

Đúng như dự đoán của ta, sau thất bại Đông Khê, Tổng chỉ huy Pháp ở Đông Dương vội vàng thực hiện kế hoạch rút quân khỏi thị xã Cao Bằng theo đường số 4, nhằm tránh nguy cơ bị tiêu diệt. Theo kế hoạch này, binh đoàn Lơ Pa-giơ ở Thất Khê (gồm 4 tiểu đoàn, do Trung tá Lơ Pa-giơ chỉ huy), có nhiệm vụ hành quân tiến lên chiếm lại Đông Khê để đón binh đoàn Sác-tông (gồm 3 tiểu đoàn, do Trung tá Sác-tông chỉ huy) từ Cao Bằng rút về. Ngoài ra, Bộ chỉ huy quân Pháp còn mở cuộc hành quân Phô-cơ đánh lên vùng tự do Thái Nguyên, nhằm thu hút chủ lực của ta, giải tỏa cho hướng biên giới Cao Bằng - Lạng Sơn.

Việc địch đánh lên Thái Nguyên đã được Bộ Tổng Tư lệnh phán đoán từ trước và đã chuẩn bị sẵn sàng để đối phó. Vì vậy, ta vẫn tập trung lực lượng tại biên giới, kiên quyết tiến hành kế hoạch chiến dịch như đã xác định.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt địch ở Đông Khê, Bộ Chỉ huy chiến dịch tập trung gần như toàn bộ lực lượng để đánh quân địch đi tiếp viện, lấy đó là đòn đánh then chốt quyết định giành toàn thắng. Trong khi kiên trì chờ đánh viện, Bộ Chỉ huy chiến dịch chủ trương đẩy mạnh hoạt động ở nam Thất Khê, tạo thời cơ, khi có điều kiện thì đánh Thất Khê. Trung đoàn 174 được lệnh cơ động xuống nam Thất Khê.

Sau một thời gian chuẩn bị và thăm dò ý định của ta, đêm 30/9, dự đoán lực lượng của ta đã chuyển xuống hoạt động ở phía nam, binh đoàn Lơ Pa-giơ gồm 4 tiểu đoàn bí mật hành quân từ Thất Khê lên Đông Khê. Phía Cao Bằng, đêm 3/10, binh đoàn Sác-tông gồm 3 tiểu đoàn lặng lẽ rút khỏi thị xã để hội quân với binh đoàn Lơ Pa-giơ.

Tuy nhiên, khi vừa tới Đông Khê, binh đoàn Lơ Pa-giơ lập tức bị ta chặn đánh. Từ ngày 1 đến ngày 5/10 đã diễn ra nhiều trận đánh ác liệt ở khu vực phía nam và tây Đông Khê. Lơ Pa-giơ chẳng những không thực hiện được ý định chiếm Đông Khê mà còn bị ta tiêu diệt một bộ phận, cuối cùng phải chạy dồn vào khu núi đá Cốc Xá, nơi có địa hình hiểm trở, dựa vào đó cố thủ và lấy đó làm địa điểm đón quân Sác-tông. Kế hoạch hội quân ban đầu của địch bị phá vỡ, ngày 4/10, binh đoàn Sác-tông buộc phải bỏ cả xe, pháo rồi hành quân xuyên rừng về phía Cốc Xá để bắt liên lạc với Lơ Pa-giơ.

Trước tình hình trên, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định chia cắt không cho địch bắt liên lạc với nhau. Trước hết tập trung lực lượng tiêu diệt quân Lơ Pa-giơ, sau đó chuyển sang tiêu diệt quân Sác-tông. Từ chiều ngày 5 đến sáng ngày 7/10, với tinh thần chiến đấu dũng cảm, 4 tiểu đoàn của ta đã liên tục công kích địch ở Cốc Xá, tiêu diệt và bắt sống nhiều tên địch. Lơ Pa-giơ cùng ban tham mưu và một bộ phận tàn quân chạy thoát, nhưng đến chiều hôm sau (8/10) toàn bộ bị bắt gọn.

Cùng ngày 7/10, khi binh đoàn Sác-tông về đến khu điểm cao 477 cách Cổ Xá 3km về phía tây, 5 tiểu đoàn của ta đã tiến hành bao vây công kích và kết thúc thắng lợi trận đánh sau một ngày liên tục chiến đấu, bắt sống gần 1.400 tên, trong đó có Sác-tông cùng nhiều sĩ quan chỉ huy và tên tỉnh trưởng bù nhìn Cao Bằng.

Ngày 8/10, một tiểu đoàn do Đờ-la Bôm chỉ huy từ Thất Khê tiến lên định ứng cứu cho Lơ Pa-giơ và Sác-tông cũng bị ta đánh tan.

Sau khi hai binh đoàn cơ động tinh nhuệ bị tiêu diệt, thực dân Pháp gấp rút huy động lực lượng tăng cường cho Thất Khê, đưa tổng số lực lượng ở đây lên 3 tiểu đoàn. Lực lượng đông, nhưng tinh thần binh lính rất hoang mang lo sợ.

Ngày 10/10, Bộ Chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm bao vây tiêu diệt Thất Khê. Trong khi lực lượng ta đang cơ động về Thất Khê, thì tối 10/10, địch bắt đầu rút khỏi Thất Khê. Một tiểu đoàn địch rút chạy bị ta chặn lại, phải đi tắt vào rừng, sau đó bị ta tiêu diệt. Địch liên tiếp rút chạy khỏi Na Sầm, Đồng Đăng, thị xã Lạng Sơn, Lạng Giang, Lộc Bình, Đình Lập, An Châu. Bộ đội ta tiếp tục tổ chức truy kích địch, nhưng do sức đã giảm sút, thời tiết diễn biến không thuận lợi nên chỉ đánh được vài trận nhỏ, tiêu hao thêm một số binh lực địch. Ngày 14/10/1950, Chiến dịch Biên Giới kết thúc.

Phối hợp với Chiến dịch Biên Giới, quân và dân ta đồng loạt tiến công địch trên khắp các chiến trường: ở Thái Nguyên, ta đánh bại cuộc hành quân Phô-cơ của Pháp; hướng Tây bắc Bắc Bộ, ta bao vây tiến công, buộc địch rút khỏi Lào Cai, Hà Giang, thị xã Hòa Bình; ở Đồng bằng Bắc Bộ, ta tiêu diệt và bức rút hàng chục vị trí, đẩy mạnh chiến tranh du kích trong vùng địch tạm chiếm; ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ, ta mở nhiều chiến dịch tiến công địch.

b) Kết quả chiến dịch:

Trải qua 29 ngày chiến đấu quyết liệt, mưu trí, dũng cảm, quân và dân ta đã giành được thắng lợi rất to lớn trong Chiến dịch Biên Giới.

Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 10 tiểu đoàn địch (có 8 tiểu đoàn Âu - Phi, chiếm 41% lực lượng cơ động chiến lược của Pháp ở Đông Dương), diệt và bắt 8.296 tên (trong đó có toàn bộ ban chỉ huy đồn Đông Khê và các ban chỉ huy binh đoàn Lơ Pa-giơ, binh đoàn Sác-tông), thu hơn 3.000 tấn vũ khí và đồ dùng quân sự, xóa sổ Liên khu biên giới Đông Bắc của địch; giải phóng khu vực biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập (Lạng Sơn), củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, khai thông liên lạc với cách mạng Trung Quốc.

Tính chung cả nước, trong cuộc tiến công Thu Đông năm 1950, quân và dân ta đã tiêu diệt gần 12.000 địch, hạ và bức rút 217 vị trí, giải phóng một

vùng đất đai rộng lớn khoảng 4.000km^2 với 40 vạn dân, trong đó có 5 thị xã (Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Thái Nguyên, Hoà Bình) và 17 thị trấn.

II. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Thắng lợi của Chiến dịch Biên Giới trước hết là do Đảng ta có đường lối, chủ trương lãnh đạo kháng chiến đúng đắn. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đầu năm 1950, trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình, Trung ương Đảng đã sáng suốt đề ra chủ trương mở chiến dịch lớn tiến công địch trên tuyến biên giới Việt - Trung. Chiến dịch được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương trên cả nước, trực tiếp là hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn đã chỉ đạo tích cực, quyết liệt nhằm phối hợp và cung cấp sức người, sức của bảo đảm cho chiến dịch thắng lợi.

- Quân và dân ta đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động. Nhân dân hăng hái phục vụ chiến dịch, tham gia vận tải lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược... bảo đảm cho bộ đội đủ sức đánh giặc. Bộ đội chiến đấu dũng cảm, mưu trí, ngoan cường, thực hiện đúng ý định, kế hoạch tác chiến.

- Trong chỉ đạo chiến dịch, ta đã đề ra phương châm chiến dịch đúng đắn, lựa chọn chính xác hướng tiến công, mục tiêu tiến công, kiên quyết và khéo léo tập trung ưu thế binh hỏa lực, tạo được thế trận hiểm, có cách đánh sáng tạo và có hiệu quả, thực hiện đánh tiêu diệt lớn, nhất là chiến thuật "đánh điểm, diệt viện".

- Công tác bảo đảm hậu cần chiến dịch được tiến hành chu đáo, khẩn trương với quy mô lớn, góp phần quan trọng vào chiến thắng.

- Trong Chiến dịch Biên Giới, chúng ta nhận được sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của nhân dân, quân đội Trung Quốc về lương thực, vũ khí, đạn dược, thuốc men, xăng dầu và nhiều mặt hàng quân sự khác.

2. Ý nghĩa lịch sử

- Thắng lợi của Chiến dịch Biên Giới là thắng lợi hết sức to lớn, có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Sau bốn năm kháng chiến, đây là lần đầu tiên ta mở một chiến dịch tiến công lớn, đánh vào tuyến phòng thủ mạnh của địch, nhằm thực hiện những mục tiêu chiến lược quan trọng. Ta không chỉ tiêu diệt một khối sinh lực tinh nhuệ của địch, mà còn giải phóng một vùng đất đai rộng lớn có vị trí chiến lược trọng yếu; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, mở

thông đường liên lạc với quốc tế và nối liền Việt Bắc với các vùng miền trong nước (đồng bằng Bắc Bộ và Liên khu 4).

- Thắng lợi của Chiến dịch Biên Giới mở ra một bước ngoặt chuyển cuộc kháng chiến của ta từ hình thái chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy, kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở trình độ cao hơn. Quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính đã thuộc về ta, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến; từ đó về sau, ta liên tục mở những chiến dịch tiến công lớn, đánh tiêu diệt với quy mô ngày càng cao.

- Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 đã làm phá sản kế hoạch quân sự, chính trị của thực dân Pháp: vòng vây biên giới bị đập tan, hành lang đông - tây bị chọc thủng, các xứ tự trị bị phá vỡ, kế hoạch Rơ-ve cơ bản bị sụp đổ. Thất bại ở biên giới đã gây đảo lộn lớn đối với chiến lược, chiến thuật của Pháp, làm quân Pháp choáng váng, hốt hoảng bố trí lại lực lượng, thay đổi chiến thuật, thay đổi chỉ huy... Đây là thất bại chưa từng có trong chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp tính đến thời điểm lúc bấy giờ.

- Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 đánh dấu một bước tiến nhảy vọt của Quân đội ta về nghệ thuật chiến dịch. Lần đầu tiên ta mở một chiến dịch quy mô lớn, đánh tập trung chính quy, hiệp đồng binh chủng với lực lượng gần ba vạn cán bộ, chiến sĩ, huy động hàng vạn dân công, tiến công vào một hệ thống phòng ngự mạnh của địch trên tuyến dài hàng trăm ki-lô-mét, đánh liên tục cả tháng.

- Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 chứng tỏ trình độ chỉ huy và trình độ chiến thuật, kỹ thuật của bộ đội ta có bước trưởng thành vượt bậc; là nguồn động viên to lớn đối với quân và dân ta. Với thắng lợi vừa giành được, quân và dân ta càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào sức mạnh của chính mình và càng hăng hái quyết tâm đẩy mạnh kháng chiến.

- Cùng với ý nghĩa to lớn đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta, Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia từng bước phát triển vững chắc, phối hợp nhịp nhàng với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam; đồng thời cổ vũ tinh thần chiến đấu và tăng thêm niềm tin cho các dân tộc đang đấu tranh vì độc lập, tự do, nhất là trong giai đoạn này đế quốc Mỹ đang mở cuộc chiến tranh xâm lược Bắc Triều Tiên.

Sau Chiến thắng Biên giới Thu Đông 1950, quân và dân ta tiếp tục giữ vững quyền chủ động, phát huy thế tiến công chiến lược trong những năm 1951 - 1953; tiến tới giành thắng lợi liên tiếp trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954, mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ đã giáng đòn quyết định

vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ lập lại hòa bình ở Đông Dương.

III. PHÁT HUY TINH THẦN CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI THU ĐÔNG 1950 TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY

70 năm đã trôi qua, song những bài học kinh nghiệm quý báu của Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 vẫn còn nguyên giá trị, cần tiếp tục được phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Nổi bật là:

- Không ngừng phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Chú trọng củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh, cốt lõi là xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc; hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế quản lý, điều hành và phát huy vai trò, sự phối hợp, hiệp đồng của các tổ chức, lực lượng trong tác chiến khu vực phòng thủ; nâng cao tinh thần cảnh giác, phòng ngừa, xử lý hiệu quả các tình huống về quốc phòng, an ninh, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, nòng cốt là Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong đó, tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội; ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng và lực lượng; tổ chức, sắp xếp biên chế Quân đội theo hướng: tinh, gọn, mạnh, linh hoạt.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ quân sự, phát triển nghệ thuật quân sự trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao; tập trung huấn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật cho bộ đội, đáp ứng với yêu cầu chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.

- Tiếp tục thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương đối ngoại của Đảng, Nhà nước, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước trên thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

- Tăng cường đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và các âm mưu xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TUYÊN GIÁO
*

Số 9336 -CV/BTGTW
V/v gửi Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: - Ban Tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội,
- Các cơ quan báo, đài Trung ương,

Năm 2020, kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/1930 - 20/10/2020); Ban Tuyên giáo Trung ương gửi Đề cương tuyên truyền do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam biên soạn.

Đề nghị các đồng chí sớm triển khai tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời phổ biến rộng rãi trong Đảng và Nhân dân.

Trân trọng!

Nơi nhận
- Như trên,
- Đ/c Trưởng ban (để b/c),
- Lãnh đạo Ban,
- Trung ương Hội LHPN Việt Nam,
- Các vụ, đơn vị trong Ban,
- Vụ Tuyên truyền (10),
- Lưu HC(110)

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN TUYÊN GIÁO
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Phan Xuân Thủy

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 90 NĂM NGÀY THÀNH LẬP
HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM (20/10/1930 - 20/10/2020)

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ra đời trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong suốt chiều dài lịch sử 90 năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã không ngừng phát triển và trở thành một tổ chức chính trị - xã hội lớn mạnh, rộng khắp, vận động, tập hợp đông đảo các tầng lớp phụ nữ tham gia tích cực và đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng nhìn lại những dấu mốc lịch sử quan trọng trong sự trưởng thành và phát triển của tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Những mốc son tiền đề

Giai đoạn 1927 - 1930: Dưới chế độ phong kiến và đế quốc, phụ nữ là những người bị áp bức, bóc lột, chịu nhiều bất công nên luôn mong muốn được giải phóng và sẵn sàng đi theo cách mạng. Ngay từ những ngày đầu Pháp xâm lược Việt Nam, phụ nữ đã tham gia đông đảo vào phong trào Cần Vương, Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Du.

Tiêu biểu trong giai đoạn này, cả nước có 5 nhóm phụ nữ yêu nước được tổ chức với nhiều hình thức hoạt động phong phú. Năm 1927, nhóm ba chị em Nguyễn Thị Lưu, Nguyễn Thị Minh Lãng, Nguyễn Thị Thủy ở làng Phật Tích (Bắc Ninh) tham gia thanh niên Cách mạng đồng chí hội đã tuyên truyền, xây dựng tổ học nghề đăng ten gồm 30 chị vừa học nghề vừa học chữ. Nhóm chị Thái Thị Bôi có các chị Lê Trung Lương, Huỳnh Thị Thuyên, Nguyễn Thị Quang Thái ở Huế tham gia Sinh hội đỏ ở trường Nữ học Đồng Khánh. Ở Triệu Phong (Quảng Trị) có nhóm các chị Hoàng Thị Ái, Lê Thị Quế tổ chức cửa hàng Hưng Nghiệp Hội Xã để làm tài chính cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Ở Mỹ Tho, tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lập ra Gánh hát Đồng nữ do cô giáo Trần Ngọc Viện (Ba Viện) phụ trách đã tập hợp 30 thiếu nữ là con em các gia đình yêu nước đi diễn lưu động những vở tuồng có nội dung tiến bộ qua nhiều tỉnh để vừa tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho quần chúng, vừa gây dựng tài chính cho Hội. Nhiều phụ nữ trong gánh hát sau nay trở thành đảng viên, cán bộ cách mạng.

Năm 1928, do ảnh hưởng của phong trào Duy Tân và tiếp thu tư tưởng tiến bộ qua sách báo, xuất hiện nhiều phong trào đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ. Ở Đà Nẵng, nhiều chị em tham gia tổ chức "Đà thành Nữ công học Hội". Ở Nghệ An tổ chức "Phụ nữ đoàn" ngày càng phát triển. Riêng năm 1928 phát triển thêm được 50 người, chị Nguyễn Thị Minh Khai được cử làm Bí thư "Phụ nữ đoàn" và làm giao thông bí mật của liên tỉnh. Năm 1929, nhóm chị Nguyễn Thị Minh Khai cùng

Nguyễn Thị Phúc, Nguyễn Thị An liên hệ với chị Nguyễn Thị Xân, Nguyễn Thị Thiu, Nguyễn Thị Nhuận thành lập tổ Phụ nữ giải phóng ở Vinh... Các tổ nhóm này vừa tham gia sinh hoạt vừa âm thầm tuyên truyền hoạt động cách mạng.

Năm 1930: Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản từ ngày 6/1/1930 - 8/2/1930, bên cạnh Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình điều lệ tóm tắt của Đảng, Hội nghị còn quyết định thành lập các tổ chức quần chúng do Đảng lãnh đạo, trong đó có Hội phụ nữ Giải phóng.

Sau khi thành lập Đảng, từ ngày 14-31/10/1930, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất, bên cạnh việc thảo luận Luận Cương chính trị của Đảng, Hội nghị đã thông qua Nghị quyết về Phụ nữ vận động, trong đó đề ra nhiệm vụ phải tổ chức ra các đoàn thể phụ nữ như *"phụ nữ hiệp hội"*. Đồng thời Trung ương Đảng đã đề ra *Điều lệ Phụ nữ Liên hiệp Hội.* Với tính chất quan trọng như vậy, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất tháng 10/1930 đã đánh dấu quá trình hình thành tổ chức Hội đầu tiên của phong trào phụ nữ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Giai đoạn 1930 - 1936: Hoạt động của phong trào phụ nữ thời kỳ này có nhiều phương thức tổ chức thích hợp với chủ trương hoạt động bí mật của Đảng như Hội cấy, Hội gặt, Hội tương tế... Hình thức hoạt động này đã tập hợp được số đông phụ nữ tham gia và góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chống lại sự áp bức đối với phụ nữ. Tổ chức "Phụ nữ Giải phóng" được hình thành năm 1930 - 1931 đã thu hút đông đảo phụ nữ tham gia vào cao trào đấu tranh cách mạng (điển hình là Xô viết Nghệ Tĩnh). Tổ chức đã tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế, đòi cải thiện đời sống, chống áp bức của đế quốc phong kiến.

Giai đoạn 1936 - 1939: trước yêu cầu của cách mạng, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 8/1937 về công tác vận động phụ nữ đặt ra nhiệm vụ chống phát xít, chống chiến tranh bằng hình thức công khai, hợp pháp. Vì vậy, tổ chức cách mạng của phụ nữ được đổi thành Hội phụ nữ Dân chủ. Hội đã tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng về giải phóng phụ nữ, nam nữ bình đẳng và tổ chức các hoạt động gắn với tính chất ngành nghề của phụ nữ để đấu tranh đòi tự do dân chủ, đòi quyền lợi cho phụ nữ như: hội Ái hữu, hội Truyền bá quốc ngữ. Trong đấu tranh, phụ nữ công nhân các nhà máy đông nữ như Dệt Nam Định, Tơ Hải Phòng, Mỏ Quảng Ninh, Diêm Bến Thủy, Thuốc lá Sài Gòn, Gấm Thủ Dầu Một... đã nêu những tấm gương bền bỉ, kiên cường.

Giai đoạn 1939 - 1941: Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng chủ trương: "Vận động phụ nữ tổ chức các hội phụ nữ phản chiến, các hội cứu tế, bảo an... để giúp đỡ nhau, chống đế quốc chiến tranh, đòi hoà bình". Để phù hợp với tình hình, Hội lấy tên là Hội phụ nữ Phản đế. Hội đã vận động chị em tham gia mít

tinh, biểu tình, lập các hội cứu tế, bảo an, tham gia chống bắt lính với khẩu hiệu chống đế quốc chiến tranh, đòi hoà bình, đòi bồi thường chiến tranh. Phụ nữ thoát ly gia đình, tham gia hoạt động cách mạng ngày càng đông đảo, góp phần xây dựng lực lượng chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn, các tầng lớp phụ nữ được tập hợp trong tổ chức "Hội phụ nữ phản đế", thành viên của Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (năm 1939), và "Đoàn phụ nữ cứu quốc", thành viên của Mặt trận Việt Minh (năm 1941) để tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, tập hợp và xây lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Giai đoạn 1941 - 1945: Đoàn Phụ nữ Cứu quốc được thành lập ngày 16/6/1941. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn Phụ nữ cứu quốc đã vận động các tầng lớp phụ nữ gia nhập Mặt trận Việt Minh, gia nhập các đoàn thể cứu quốc đánh Pháp, đuổi Nhật, xây dựng và bảo vệ cơ sở cách mạng. Phụ nữ là lực lượng hùng hậu, đóng góp lớn vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. Để gấp rút chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền, phụ nữ đã tích cực tham gia các phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật, phá kho thóc giải quyết nạn đói... Hội phụ nữ vận động các hội viên bí mật xây dựng và bảo vệ cơ sở cách mạng. Nhờ vậy, phong trào phụ nữ ngày càng lớn mạnh, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Hệ thống của Đoàn Phụ nữ Cứu quốc có 4 cấp: Ban Chấp hành từ cơ sở đến huyện, tỉnh, xứ. Cuối năm 1941 đồng chí Hoàng Ngân được giao nhiệm vụ Bí thư Phụ vận xứ Bắc Bộ.

Tập hợp phụ nữ thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất và bảo vệ đất nước

Giai đoạn 1946 - 1954: kháng chiến chống thực dân Pháp

Ngày 3/10/1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng đã ký Nghị định cho phép thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Hội chính thức được thành lập gồm nhiều đoàn thể phụ nữ trong đó Đoàn Phụ nữ Cứu quốc là tổ chức nòng cốt, hoạt động trong khuôn khổ là một tổ chức thành viên của Hội LHPN Việt Nam. Ngày 20/10/1946, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam làm lễ ra mắt tại Quảng trường Nhà hát Lớn, Hà Nội. Đồng chí Lê Thị Xuyến được cử làm Hội trưởng lâm thời Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Tên gọi Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam được duy trì cho đến ngày nay. Từ ngày 18 - 29/4/1950: Đại hội Đại biểu Phụ nữ Toàn quốc lần thứ nhất được diễn ra tại Đại Từ, Thái Nguyên (Chiến khu Việt Bắc). Đoàn Phụ nữ Cứu quốc hợp nhất với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành một tổ chức Hội thống nhất lấy tên là Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam. Đồng chí Lê Thị Xuyến được bầu làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Giai đoạn này, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội LHPN Việt Nam đã vận động các tầng lớp phụ nữ tham gia thực hiện nhiều phong trào như: phụ nữ học cày bừa;

phụ nữ tăng gia sản xuất đảm bảo cho bộ đội *"ăn no đánh thắng"*; mua công phiếu kháng chiến; "Diệt giặc dốt"; "diệt giặc đói": "Đời sống mới"; tham gia Hội mẹ chiến sĩ... Trong 18 chiến dịch lớn của cả nước, phụ nữ đã đóng góp 9.578.000 ngày công. Cũng trong giai đoạn này, lực lượng phụ nữ tham gia dân quân du kích ngày càng nhiều. Tiêu biểu là đội "nữ du kích Hoàng Ngân" thu hút 7.365 chị em tham gia. Các chị đã cùng quân dân tỉnh Hưng Yên đánh hơn 1.000 trận, lập chiến công lẫy lừng. Phong trào nữ du kích Hoàng Ngân còn được Bộ Quốc phòng tổng kết kinh nghiệm và nhân rộng điển hình, phổ biến cho các tỉnh trong kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam và miền Bắc... Trong chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, phụ nữ các dân tộc Tày, Thái, Mèo, Dao, Nùng, Hoa, Puộc, Xá... đã tham gia đông đảo. Chị em đã ngày đêm vượt suối, băng ngàn, làm mọi công việc vận chuyển, tiếp tế lương thực, đạn dược, tải thương, thổi cơm, đưa nước cho bộ đội, làm hầm, chữa cầu đường... Có thể nói, Hội LHPN Việt Nam đã bằng mọi nỗ lực vận động chị em phụ nữ tham gia vào tất cả các lĩnh vực hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Giai đoạn 1954 - 1975: kháng chiến chống đế quốc Mỹ ở miền Nam và xây dựng CNXH ở miền Bắc

Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Việt Nam bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau, miền Bắc xây dựng CNXH, miền Nam tiếp tục cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước. Nhằm tập hợp rộng rãi lực lượng cách mạng và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, nêu cao chủ nghĩa yêu nước, Đại hội III của Đảng đã chủ trương phải xây dựng tổ chức Mặt trận Dân tộc thống nhất ở miền Nam. Ngày 20/12/1960, tại vùng giải phóng ở xã Tân Lập, huyện Châu Thành (nay là huyện Tân Biên), tỉnh Tây Ninh, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập bao gồm đại biểu các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ yêu nước ở miền Nam, không phân biệt xu hướng chính trị. Cùng với đó, ngày 8/3/1961, Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập với vai trò tập hợp phụ nữ miền Nam Việt Nam đoàn kết trên mặt trận giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Tổ chức Hội phụ nữ hai miền Nam Bắc thực hiện những nhiệm vụ, hoạt động phù hợp với từng miền và cùng hướng tới mục tiêu chung là đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ, đánh đuổi đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước. Đồng thời, tổ chức Hội hai miền phát động phong trào riêng, có tác động lan tỏa và sâu rộng trong các cấp Hội phụ nữ.

Tháng 3/1961, Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ III họp tại Hà Nội đã phát động phong trào thi đua *"5 tốt"* với các nội dung: Đoàn kết sản xuất, tiết kiệm tốt, chấp hành chính sách tốt, tham gia quản lý tốt, học tập chính trị, văn hoá, kỹ thuật tốt, xây dựng gia đình nuôi dạy con tốt. Ngày 5/8/1964, Đế quốc Mỹ dựng

lên cái gọi là "sự kiện Vịnh Bắc Bộ", lấy cớ dùng không quân bắn phá miền Bắc. Trước tình hình đó, tháng 3/1965, Trung ương Hội LHPN Việt Nam phát động phong trào *"Ba đảm đang"* với các nội dung: đảm đang sản xuất và công tác, đảm đang gia đình, đảm đang phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Phong trào Ba đảm đang là bước phát triển mới của phong trào 5 tốt, trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 1965 - 1975, là một trong những phong trào thi đua có quy mô lớn nhất trong lịch sử Việt Nam thời kì hiện đại, trở thành hoạt động nổi bật, tiêu biểu trong lịch sử tổ chức và hoạt động của Hội LHPN Việt Nam và là bộ phận khăng khít của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đại hội lần thứ nhất Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam (3/1965), Hội đã phát động phong trào thi đua *"5 tốt"* với nội dung: Đoàn kết đấu tranh chính trị, võ trang, binh vận tốt; Lao động sản xuất, tiết kiệm tốt; Chăm sóc, nuôi dưỡng thương bệnh binh tốt; Học tập văn hoá, chính trị, chuyên môn tốt; Rèn luyện tư cách đạo đức tốt.. Với phong trào "5 tốt", hàng triệu hội viên phụ nữ giải phóng được tôi luyện trong phong trào đấu tranh với 3 mũi giáp công linh hoạt, được tổ chức chặt chẽ ở ba vùng chiến lược (nông thôn, đô thị, miền núi). Trên khắp miền Nam, phụ nữ giải phóng luôn là lực lượng nòng cốt đi đầu trong phong trào đấu tranh chính trị trực diện, hình thành nên một "Đội quân tóc dài" hùng hậu, nổi tiếng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Phụ nữ miền Nam đã anh dũng thi đua giết giặc, trong gian nan vẫn một lòng trung kiên, bất khuất. Thi đua với phụ nữ Nam bộ, những tấm gương phụ nữ miền Bắc anh dũng của Đại đội pháo nữ dân quân Ngư Thuỷ (Quảng Bình) bắn cháy liên tiếp 3 tàu chiến Mỹ hay của Trung đội nữ dân quân Hoằng Hải (Thanh Hóa) bắn rơi máy bay Mỹ... đã khẳng định trí tuệ, sáng tạo và tinh thần kiên cường, quật khởi của các tầng lớp phụ nữ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Phát biểu tại lễ kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (19/10/1966), Hồ Chủ tịch đánh giá: "Phong trào 5 tốt của phụ nữ miền Nam, phong trào Ba đảm đang của phụ nữ miền Bắc là phong trào yêu nước nồng nàn và rộng khắp, lôi cuốn đông đảo phụ nữ hai miền thi đua sản xuất, phục vụ chiến đấu, góp phần to lớn vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của toàn dân"

Hội LHPN Việt Nam - phát triển và hội nhập

Sau chiến thắng mùa xuân năm 1975, thực hiện Nghị quyết của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thống nhất các đoàn thể nhân dân, từ ngày 10-12/6/1976, Hội nghị Thống nhất Hội LHPN toàn quốc được tổ chức. Hội nghị đã nhất trí quyết nghị: Thống nhất sự chỉ đạo hoạt động của Hội LHPN trong cả nước trong một tổ chức là Hội LHPN Việt Nam. Hội nghị cũng quyết định lấy ngày 20/10/1930 là ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam. Đến năm 2010, tại thông báo số 382-TB/TW

ngày 15/10/2010 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Bí thư đồng ý lấy ngày 20/10 hàng năm là ngày Phụ nữ Việt Nam.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ngày một lớn mạnh không ngừng, đã và đang phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam; kế thừa các thành quả to lớn của phong trào phụ nữ và hoạt động Hội; bám sát nhiệm vụ chính trị của đất nước, tiếp tục xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ và chức năng đại diện của tổ chức Hội. Hội đã đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, chuyên nghiệp; tập trung tham mưu, đề xuất chính sách, giám sát, phản biện xã hội; tăng cường vận động xã hội, tích cực hội nhập quốc tế; chăm lo tốt hơn lợi ích chính đáng của phụ nữ, tạo động lực động viên đông đảo phụ nữ phát huy dân chủ, cần cù, năng động, sáng tạo, trách nhiệm xây dựng đất nước phát triển nhanh, bền vững, xây dựng gia đình hạnh phúc, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và tổ chức Hội, thực hiện mục tiêu vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. Hưởng ứng phong trào thi đua và các cuộc vận động của đất nước, Hội vận động hội viên, phụ nữ trong cả nước thực hiện phong trào thi đua "*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*" và hai cuộc vận động "*Rèn luyện phẩm chất đạo đức: tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*"; "*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*" gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phối hợp với các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể liên quan tích cực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án của Chính phủ; có những đề xuất tham mưu chính sách, phát động nhiều phong trào góp phần quan trọng vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập và xây dựng đất nước. Hội đã đạt được những bước tiến dài trên con đường tạo lập vị thế bình đẳng cho phụ nữ Việt Nam với việc Bộ Chính trị ban hành các Nghị quyết của Đảng về công tác phụ nữ (Nghị quyết 04 (năm 1993); Nghị quyết 11 (2007) và sự ra đời của Luật Bình đẳng giới, thực hiện chính sách thai sản cho phụ nữ, các quy định trong Bộ luật lao động liên quan đến lao động nữ...

Những dấu ấn đáng ghi nhớ trong phong trào phụ nữ và hoạt động Hội từ năm 1976 đến nay

- Năm 1978: Phong trào *"Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*.

- Năm 1989: Hội LHPN Việt Nam phát động hai cuộc vận động *"Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình"* và *"Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học"*.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ VII (1992): Tiếp tục thực hiện hai cuộc vận động *"Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình"*, *"Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học"*.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ VIII (19/5/1997): phát triển hai phong trào thi đua từ Đại hội VII thành phong trào *"Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc"* và *"Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước"*; Phong trào *"Ngày tiết kiệm vì Phụ nữ nghèo"*; Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp tục phát động phong trào "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" thực hiện trong nữ công nhân viên chức và người lao động;

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX (2002): tiếp tục phát động phong trào thi đua: *"Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc"*.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ X (01/10/2007): tiếp tục phát động phong trào thi đua: *"Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc"* gắn với thực hiện Cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ xây dựng Mái ấm tình thương cho phụ nữ nghèo. Năm 2010, gắn với phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*, hưởng ứng chương trình xây dựng nông thôn mới, Hội phát động cuộc vận động *"Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"*.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI (2012) phát động phong trào thi đua *"Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc"*; đồng thời triển khai sâu rộng 2 cuộc vận động *"Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"* góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và *"Rèn luyện các phẩm chất đạo đức: Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang"* gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ XII (2017): Phong trào thi đua: *"Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc"* và hai cuộc vận động: *"Rèn luyện phẩm chất đạo đức: Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang"* gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: *"Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"* góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Có thể nói, trải qua lịch sử 90 năm trưởng thành và phát triển, dưới sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, Hội LHPN Việt Nam đã và đang ngày càng có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng đất nước và sự nghiệp giải phóng phụ nữ, sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. Hội LHPN Việt Nam xứng đáng là tổ chức đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mọi tầng lớp phụ nữ Việt Nam. Hội chủ động tham mưu với Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật có ý nghĩa chiến lược về công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, các cấp Hội trong nước đã tổ chức thực hiện được nhiều chương trình hoạt động, tuyên truyền vận động, hỗ trợ phụ nữ nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện để phụ nữ tiến bộ, bình

đẳng. Tổ chức Hội được củng cố và phát triển, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Đội ngũ cán bộ Hội nhiệt tình, tâm huyết, phấn đấu nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Hội cũng phát huy vai trò, mở rộng hợp tác, thực hiện tốt công tác đối ngoại nhân dân, chú trọng phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác, tích cực tham gia các cơ chế đa phương.

TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM